TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ -ST
Ngày 07/02/2023.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương;
2/. Ông Đặng Văn Chiểu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2022/QĐST –DS ngày 16/11/2022 và các quyết định tố tụng khác, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh N V Đ, sinh năm 1978;
Địa chỉ: ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long.
2/. Bị đơn: Chị L K M, sinh năm 1982;
Địa chỉ: ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(Anh Đcó đơn xin vắng mặt, chị Mvắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh N V Đ trình bày: Anh với chị L K M làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1998, còn ngày tháng thì không nhớ, không có đăng ký kết

hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Mcó 03 người con tên: Nguyễn Kiều Q, sinh ngày 23/12/1998 và Nguyễn Kiều P, sinh ngày 03/8/2000 đã thành niên sống tự lập được; người con tên Nguyễn Kiều Phương, sinh ngày 24/4/2011, hiện đang sống với anh. Về tài sản chung, nợ chung anh và chị Mkhông có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị L K M, đối với người con tên Nguyễn Kiều Q, sinh ngày 23/12/1998 và Nguyễn Kiều P, sinh ngày 03/8/2000 đã thành niên sống tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, người con tên Nguyễn Kiều Phương, sinh ngày 24/4/2011 anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị L K M vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời khai.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành quy định của khoản 15, 16 Đ70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Đ14, khoản 2 Đ53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận anh Đ và chị M là vợ chồng.

+ Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điếu 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Kiều Ph, sinh ngày 24/4/2011 cho anh Đnuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị Mđược quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đphải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh N V Đ kiện chị L K M về việc Hôn nhân gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chị Mcó địa chỉ cư trú tại ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Đ28; điểm a khoản 1 Đ35 và điểm a khoản 1 Đ39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đcó đơn xin vắng mặt, chị Mvắng mặt lần 2 tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt chị Mlà phù hợp với quy định tại Đ228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh N V Đ xác định, anh với chị L K M làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Đvà chị Mđược xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay anh Đ yêu cầu ly hôn với chị M. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn về hôn nhân giữa anh Đvới chị Mlà trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Đ14 và khoản 2 Đ53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N V Đ và bà chị L K M.

[3] Về con chung: Theo lời khai của anh Đvà Giấy khai sinh do anh Đcung cấp, anh và chị Mcó 03 người con tên Nguyễn Kiều Q, sinh ngày 23/12/1998 và Nguyễn Kiều P, sinh ngày 03/8/2000; hiện cháu Q, cháu P đã thành niên, sống tự lập được; anh Đkhông có yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi các cháu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Kiều Phương, sinh ngày 24/4/2011, hiện Ph đang sống với anh Điều, anh Đcó yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, không yêu cầu chị Mcấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, cháu Phương đang được anh Đnuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu; hiện tại cháu có cuộc sống ổn định, cháu có nguyện vọng được sống với anh Điều. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Đ81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Kiều Phương, sinh ngày 24/4/2011 cho anh Đnuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị Mđược quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của anh Đthì anh và chị Mkhông có tài sản chung, không nợ ai hoặc ai nợ anh, chị. Anh Đkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc anh N V Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Đ28, 35, 39 và Đ228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Đ14, khoản 2 Đ53; Đ81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Không công nhận anh N V Đ với chị L K M có quan hệ vợ chồng.

2/. Về con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Kiều Phương, sinh ngày 24/4/2011 cho anh Đnuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Chị Mđược quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc anh N V Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Đđã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005344 ngày 22 tháng 7 năm 2022 được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị L K M không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Đ2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Đ6, quyền và nghĩa vụ theo các Đ7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Đ9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn